

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 08 /NQ-CP

Hà Nội, ngày 23 tháng 01 năm 2014

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành Chương trình hành động thực hiện
Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng
khóa XI về Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu,
tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường**

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 03 tháng 6 năm 2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 03 tháng 6 năm 2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Các thành viên Chính phủ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KTN (3b).XH 210

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG



Nguyễn Tấn Dũng

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA CHÍNH PHỦ
Thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của
Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về Chủ động ứng phó
với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 08/NQ-CP
ngày 23 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Chương trình xác định các nhiệm vụ trọng tâm và giải pháp chủ yếu của Chính phủ về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường nhằm giảm nhẹ tác động của biến đổi khí hậu; khai thác, sử dụng các nguồn tài nguyên quốc gia hợp lý, hiệu quả và bền vững; nâng cao chất lượng môi trường sống và bảo đảm cân bằng sinh thái, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững đất nước mà Nghị quyết số 24-NQ/TW đã đề ra.
2. Chương trình được thực hiện từ nay đến năm 2020, làm căn cứ để Bộ, ngành, địa phương xây dựng kế hoạch hành động, tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW.
3. Tiếp tục thực hiện các kế hoạch, chương trình, đề án, dự án đã được phê duyệt có nội dung phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp nêu trong Nghị quyết số 24-NQ/TW và xây dựng, triển khai thực hiện một số kế hoạch, chương trình, đề án, dự án mở mới giai đoạn đến năm 2020.

II. NỘI DUNG CHÍNH

1. Đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về ứng phó với biến đổi khí hậu, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả và bền vững tài nguyên và bảo vệ môi trường
 - Tuyên truyền, nâng cao nhận thức, phổ biến kinh nghiệm ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường;
 - Đưa nội dung về ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường vào chương trình giáo dục, đào tạo các cấp, đào tạo cán bộ lãnh đạo, quản lý ở Trung ương và địa phương;
 - Xây dựng và thực hiện tiêu chí, chuẩn mực về môi trường trong các cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp, cộng đồng dân cư; hình thành các thiết chế văn hóa, đạo đức môi trường trong xã hội;

- Thực hiện đánh giá, phân hạng về môi trường hàng năm đối với các ngành, địa phương, công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng.

2. Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ về ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường

- Phát triển mạnh các chuyên ngành khoa học về năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, tái chế chất thải, vật liệu mới, vũ trụ;

- Đẩy mạnh đổi mới công nghệ sản xuất theo hướng thân thiện với môi trường, tiết kiệm năng lượng, sử dụng hiệu quả tài nguyên, ít chất thải và các-bon thấp;

- Tăng cường ứng dụng công nghệ viễn thám, công nghệ mới, tiên tiến trên nền tảng công nghệ thông tin trong ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường;

- Xây dựng và thực hiện Chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp nhà nước phục vụ việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đề ra trong Nghị quyết số 24-NQ/TW.

3. Hoàn thiện, đổi mới chính sách, pháp luật, kiện toàn hệ thống cơ quan quản lý nhà nước về ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường

- Sửa đổi, bổ sung Luật đất đai, Luật bảo vệ môi trường, Luật thủy sản; xây dựng dự án luật về tài nguyên và môi trường biển, về thủy lợi, về khí tượng thủy văn, về đo đạc và bản đồ... và các luật có liên quan nhằm luật hóa các quan điểm, giải pháp nhằm hoàn thiện cơ sở pháp lý để thực hiện các nhiệm vụ đề ra trong Nghị quyết số 24-NQ/TW;

- Kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý, tăng cường năng lực đội ngũ cán bộ nhà nước từ Trung ương đến địa phương theo hướng tập trung, tổng hợp và thống nhất đầu mối, phát huy vai trò của cơ quan giúp Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước trên các lĩnh vực biến đổi khí hậu, tài nguyên và môi trường;

- Tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung chính sách khuyến khích, hỗ trợ, thúc đẩy sử dụng công nghệ, thiết bị tiết kiệm năng lượng, tiết kiệm nước, khai thác, sử dụng năng lượng tái tạo, vật liệu mới, tái chế trong hoạt động sản xuất và dịch vụ;

- Xây dựng cơ chế phối hợp liên ngành, liên vùng; cơ chế giải quyết tranh chấp, xung đột; tăng cường các chế tài xử lý vi phạm; đẩy mạnh xã hội hóa trong ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

4. Đổi mới cơ chế tài chính, tăng chi ngân sách và đa dạng hóa nguồn vốn đầu tư cho ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường

- Đổi mới cơ chế tài chính, tăng chi từ ngân sách và đa dạng hóa các nguồn vốn đầu tư cho ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường;

- Thể chế hóa đầy đủ nguyên tắc: Người gây ô nhiễm phải trả chi phí để xử lý, khắc phục hậu quả, cải tạo và phục hồi môi trường; người hưởng lợi từ tài nguyên và môi trường phải có nghĩa vụ đóng góp để đầu tư trở lại cho quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường;

- Thực hiện chương trình bù giá đối với các dự án phát triển năng lượng mới, năng lượng tái tạo, năng lượng sạch, tái chế chất thải, sản xuất điện từ chất thải;

- Xây dựng và thực hiện lộ trình xóa bỏ các cơ chế, chính sách hỗ trợ giá đối với nhiên liệu hóa thạch.

5. Thúc đẩy hợp tác, hội nhập quốc tế về ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường

- Đẩy mạnh việc tham gia và thực hiện các điều ước quốc tế; tích cực tham gia các tổ chức, thể chế khu vực về biến đổi khí hậu, tài nguyên và môi trường;

- Tăng cường trao đổi thông tin, kinh nghiệm, đối thoại chính sách với các nước, tổ chức quốc tế; huy động nguồn lực, tiếp nhận chuyển giao công nghệ về ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường;

- Thúc đẩy hợp tác bảo vệ, quản lý khai thác và sử dụng các nguồn nước liên quốc gia.

6. Nhiệm vụ tổng hợp liên quan đến cả 3 lĩnh vực (ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường)

- Xây dựng bộ tiêu chí, chỉ số về ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường làm căn cứ để hoạch định chính sách, giám sát, đánh giá về tăng trưởng xanh và phát triển bền vững;

- Thúc đẩy một số lĩnh vực kinh tế xanh phát triển, như: Ngành công nghiệp và dịch vụ bảo vệ môi trường; tái chế chất thải; phát triển năng lượng mới, năng lượng tái tạo...

- Thực hiện phân vùng chức năng dựa trên đặc tính sinh thái, tiềm năng tài nguyên và tác động của biến đổi khí hậu làm căn cứ để lập quy hoạch phát triển;

- Lồng ghép mục tiêu biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường vào chiến lược, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, chiến lược, quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực...

- Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu, thông tin tổng hợp và thống nhất về biến đổi khí hậu, tài nguyên và môi trường.

7. Nhiệm vụ trọng tâm về ứng phó với biến đổi khí hậu

a) Xây dựng năng lực dự báo, cảnh báo, chủ động phòng, tránh và giảm nhẹ thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu

- Xây dựng và phát triển năng lực nghiên cứu, giám sát biến đổi khí hậu, dự báo, cảnh báo thiên tai;

- Tổ chức xây dựng và công bố Báo cáo quốc gia về biến đổi khí hậu định kỳ 5 năm một lần theo kỳ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội;

- Xây dựng và phát triển hệ thống theo dõi, giám sát biến đổi khí hậu, nước biển dâng và cảnh báo, dự báo thiên tai;

- Bảo vệ không gian thoát lũ trên các lưu vực sông;

- Nâng cấp, bảo đảm an toàn các hồ chứa nước; nâng cấp đê biển, đê sông, cống ngăn mặn, giữ ngọt ở các địa bàn xung yếu;

- Nâng cao năng lực tìm kiếm, cứu nạn, cứu hộ trong bối cảnh biến đổi khí hậu.

b) Đẩy mạnh các biện pháp phòng, chống, hạn chế tác động của triều cường, ngập lụt, xâm nhập mặn do nước biển dâng

- Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu theo vùng, miền; từng bước xây dựng các bản đồ nguy cơ ngập lụt theo kịch bản nước biển dâng đến cấp xã, nhất là vùng ven biển để có các biện pháp thích ứng phù hợp;

- rà soát, bổ sung, điều chỉnh quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, hạ tầng kỹ thuật cấp vùng, đô thị, nông thôn ven biển theo hướng phù hợp với kịch bản nước biển dâng;

- Sớm triển khai thực hiện đề án chống ngập lụt cho các thành phố ngập lụt trong khu vực chịu ảnh hưởng của nước biển dâng và biến đổi khí hậu như Thành phố Hồ Chí Minh, Cần Thơ, Cà Mau, Rạch Giá, Vị Thanh...

c) Giảm nhẹ phát thải khí nhà kính; tăng cường khả năng hấp thụ khí nhà kính của các hệ sinh thái

- Thực hiện kiểm kê quốc gia khí nhà kính định kỳ 5 năm một lần và thông báo công khai;

- Thúc đẩy các hoạt động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính phù hợp với điều kiện nước ta trên cơ sở huy động hỗ trợ tài chính và chuyển giao công nghệ từ các nước và các tổ chức quốc tế;

- Thúc đẩy sử dụng tiết kiệm năng lượng; phát triển và sử dụng năng lượng tái tạo;

- Đẩy mạnh các hoạt động chống mất rừng, suy thoái rừng; bảo vệ các bể hấp thụ khí nhà kính tự nhiên.

8. Nhiệm vụ trọng tâm về quản lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên

a) Đối với tài nguyên đất

- Tăng cường quản lý, khai thác nguồn thu từ đất, phát triển kinh tế đất, định giá, lập tài khoản và thực hiện hạch toán tài nguyên đất trong nền kinh tế;

- Quy hoạch, quản lý và khai thác, sử dụng hợp lý, hiệu quả và bền vững tài nguyên đất;

- Xây dựng Chiến lược sử dụng đất đến năm 2050 và tầm nhìn đến năm 2100;

- Xây dựng bộ tiêu chí về sử dụng đất hợp lý, hiệu quả và bền vững làm căn cứ để lập quy hoạch, giám sát, đánh giá việc sử dụng đất;

- Đẩy mạnh khai thác đất trung du, miền núi cho mục đích phi nông nghiệp;

- Từng bước khắc phục tình trạng manh mún, nhỏ lẻ trong sử dụng đất;

- Bảo vệ, phòng chống hoang mạc hóa, sa mạc hóa, thoái hóa đất canh tác nông nghiệp.

b) Đối với tài nguyên khoáng sản

- Đẩy mạnh điều tra, đánh giá tiềm năng, trữ lượng, giá trị kinh tế, thiết lập tài khoản quốc gia về các loại khoáng sản chiến lược quan trọng;

- Thúc đẩy chế biến sâu, hạn chế xuất khẩu thô khoáng sản; có chiến lược dự trữ, nhập khẩu khoáng sản chiến lược, quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội lâu dài của đất nước;

- Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra hoạt động khoáng sản; có chế tài đủ mạnh để ngăn chặn tình trạng khai thác khoáng sản trái phép.

c) Đối với tài nguyên nước

- Đẩy mạnh điều tra cơ bản, quy hoạch, quan trắc, giám sát tài nguyên nước và giám sát các hoạt động khai thác, sử dụng nguồn nước;

- Tăng cường các biện pháp tích nước, điều hòa, sử dụng tổng hợp, tiết kiệm tài nguyên nước và phát triển các mô hình sử dụng nước hiệu quả;

- Tăng cường các biện pháp chủ động kiểm soát, giám sát ngăn ngừa, hạn chế tình trạng suy thoái, cạn kiệt nguồn nước;

- Mở rộng, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế trong quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước và nguồn nước liên quốc gia.

d) Đối với tài nguyên biển, thủy sản

- Đẩy mạnh điều tra, đánh giá tiềm năng, giá trị, biến động tài nguyên biển, nguồn lợi thủy sản;

- Kiểm soát chặt chẽ hoạt động khai thác nguồn lợi thủy sản; ngăn chặn tình trạng đánh bắt thủy sản mang tính hủy diệt, không theo mùa vụ;

- Phát triển và hoàn thiện cơ chế quản lý, giám sát tổng hợp và thống nhất tài nguyên và môi trường biển.

đ) Thúc đẩy phát triển, sử dụng năng lượng mới, năng lượng tái tạo, các nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu mới

- Thúc đẩy chuyển đổi cơ cấu sản xuất và sử dụng năng lượng theo hướng tăng mạnh tỷ trọng năng lượng mới, năng lượng tái tạo;

- Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển năng lượng mới, năng lượng tái tạo, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu mới;

- Đẩy mạnh hợp tác thăm dò, khai thác tài nguyên từ bên ngoài phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong nước.

9. Nhiệm vụ trọng tâm về bảo vệ môi trường

a) Phòng ngừa và kiểm soát các nguồn gây ô nhiễm môi trường, tác động xấu đến môi trường

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả, phát huy vai trò của đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường trong việc phòng ngừa, kiểm soát các nguồn gây ô nhiễm môi trường, tác động xấu lên môi trường;

- Tăng cường năng lực quan trắc và thông tin về môi trường theo hướng phát triển mạnh hệ thống quan trắc tự động; thực hiện kiểm kê và xây dựng cơ sở dữ liệu về các nguồn thải;

- Kiểm soát chặt chẽ việc chuyển giao công nghệ, nhập khẩu máy móc, thiết bị nhằm ngăn ngừa việc đưa công nghệ, máy móc, thiết bị lạc hậu vào nước ta;

- Đẩy nhanh tiến độ thực hiện kế hoạch xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; tăng cường kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm đối với các cơ sở gây ô nhiễm môi trường;

- Tăng cường quản lý, kiểm soát các nguồn thải gây ô nhiễm môi trường trên các lưu vực sông, nhất là các sông liên tỉnh; kiểm soát môi trường nông thôn, làng nghề;

- Tăng cường các biện pháp kiểm soát và cải thiện chất lượng không khí trong các đô thị, khu dân cư; thực hiện trồng cây phân tán, phát triển các hành lang xanh, tăng diện tích công viên cây xanh trong các đô thị và khu dân cư;

- Đẩy mạnh thực hiện các dự án đầu tư xử lý nước thải tập trung tại khu vực đô thị, thành phố có mật độ dân cư cao;

- Tăng cường quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại; thúc đẩy việc phân loại chất thải rắn tại nguồn; xã hội hóa công tác thu gom, xử lý chất thải; đồng thời thiết lập hệ thống thu gom, trung chuyển, tập kết chất thải; chú trọng tái sử dụng, tái chế chất thải;

- Thúc đẩy tiêu dùng sản phẩm tái chế, sản phẩm thân thiện với môi trường.

b) Khắc phục ô nhiễm, cải thiện chất lượng môi trường và điều kiện sống của người dân

- Xây dựng và thực hiện đề án về khắc phục ô nhiễm và cải thiện chất lượng môi trường lưu vực sông Cầu, sông Nhuệ - Đáy và sông Đòòng Nai;

- Đẩy mạnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về cung cấp nước sạch và vệ sinh môi trường, nhất là cho người nghèo, vùng sâu, vùng xa, dân tộc thiểu số;

- Thực hiện các dự án bảo vệ, phục hồi, cải tạo không gian, mặt nước trong các đô thị, khu dân cư, nhất là các ao, hồ, kênh, mương, sông...

- Đẩy nhanh tiến độ rà phá bom, mìn; khắc phục hậu quả chất độc đi-ô-xin do chiến tranh để lại;

- Tăng cường công tác bảo vệ môi trường, cải tạo, phục hồi môi trường trong và sau khai thác khoáng sản;

- Điều tra, đánh giá, khoanh vùng và từng bước cải tạo, phục hồi môi trường tại các khu vực đã bị ô nhiễm nghiêm trọng, diêm tích tụ hóa chất độc hại, thuốc bảo vệ thực vật.

c) Bảo vệ, phát triển rừng, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học

- Quản lý, sử dụng rừng bền vững, tiến tới dừng khai thác gỗ rừng tự nhiên;

- Đẩy mạnh bảo vệ, phục hồi, tái sinh rừng tự nhiên, trồng rừng, nhất là rừng ngập mặn, rừng phòng hộ ven biển; ngăn chặn có hiệu quả nạn phá rừng, cháy rừng;

- Rà soát, hoàn thiện thể chế quản lý các khu bảo tồn thiên nhiên; phát triển các khu bảo tồn thiên nhiên mới, bảo vệ các hành lang đa dạng sinh học theo quy định của Luật đa dạng sinh học và các luật liên quan; bảo vệ các hệ sinh thái tự nhiên có tầm quan trọng quốc gia, quốc tế;

- Chú trọng bảo vệ, khai thác hợp lý cảnh quan, dịch vụ hệ sinh thái và các khu di sản thiên nhiên; thúc đẩy phát triển du lịch sinh thái, phát triển dịch vụ du lịch “xanh” thân thiện với môi trường;

- Tăng cường các biện pháp bảo vệ các loài hoang dã, nhất là các loài quý, hiếm có nguy cơ bị tuyệt chủng, loài thân thiện với con người;

- Ngăn ngừa, kiểm soát chặt chẽ và phòng trừ có hiệu quả các loài sinh vật ngoại lai xâm hại.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trên cơ sở Nghị quyết số 24-NQ/TW, Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết của Chính phủ, căn cứ chức năng, nhiệm vụ được phân công, Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xây dựng Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết và Chương trình hành động của Chính phủ.

2. Bộ Tài nguyên và Môi trường giúp Chính phủ thống nhất việc tổ chức thực hiện Chương trình hành động, tổng hợp nhu cầu về nguồn lực, kinh phí thực hiện Chương trình hành động, định kỳ hàng năm báo cáo Chính phủ kết quả thực hiện tại cuộc họp Chính phủ cuối năm.

3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tập trung chỉ đạo, tăng cường kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ, định kỳ hàng năm gửi báo cáo kết quả thực hiện về Bộ Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp báo cáo Chính phủ.

4. Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính theo chức năng có trách nhiệm huy động, bố trí nguồn lực để bảo đảm các điều kiện thực hiện Chương trình hành động.

5. Trong quá trình thực hiện, nếu thấy cần sửa đổi, bổ sung những nội dung cụ thể của Chương trình, các Bộ, ngành, địa phương chủ động phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG



Nguyễn Tấn Dũng



DANH MỤC KẾ HOẠCH, CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN, DỰ ÁN
Thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về Chủ động ứng phó
với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường
(Ban hành kèm theo Chương trình hành động của Chính phủ tại
Nghị quyết số 08/NQ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ)

STT	Tên kế hoạch, chương trình, đề án, dự án	Sản phẩm, kết quả	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian phê duyệt	Ghi chú
I	Kế hoạch, chương trình, đề án, dự án đã được phê duyệt, đang thực hiện					
1	Sửa đổi, bổ sung Luật bảo vệ môi trường và các văn bản hướng dẫn thi hành	Luật và các văn bản hướng dẫn thi hành	Bộ TN&MT	Bộ TP, Bộ, cơ quan ngang Bộ liên quan	2014	Dự án Luật đang được QH cho ý kiến
2	Chương trình mục tiêu quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn 2012 - 2015	Chương trình	Bộ TN&MT	Bộ, ngành liên quan	2012	Quyết định số 432/QĐ-TTg ngày 12/4/2012
3	Quy hoạch thủy lợi đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2012 - 2020 và định hướng đến năm 2050 trong điều kiện biến đổi khí hậu, nước biển dâng	Quy hoạch	Bộ NN&PTNT	Bộ, ngành liên quan	2012	Quyết định số 1397/QĐ-TTg ngày 25/9/2012
4	Chương trình đầu tư củng cố, bảo vệ, nâng cấp đê biển hiện có tại các tỉnh có đê từ Quảng Ninh đến Quảng Nam	Chương trình	Bộ NN&PTNT	Bộ, ngành, địa phương liên quan	2006	Quyết định số 58/2006/QĐ-TTg ngày 14/3/2006
5	Chương trình củng cố, nâng cấp hệ thống đê biển từ Quảng Ngãi đến Kiên Giang	Chương trình	Bộ NN&PTNT	Bộ, ngành, địa phương liên quan	2009	Quyết định số 667/QĐ-TTg ngày 27/5/2009
6	Quy hoạch thủy lợi chống ngập úng khu vực Thành phố Hồ Chí Minh	Quy hoạch	Bộ NN&PTNT, UBND TP Hồ Chí Minh	Bộ, ngành có liên quan	2008	Quyết định số 1547/QĐ-TTg ngày 28/10/2008

STT	Tên kế hoạch, chương trình, đề án, dự án	Sản phẩm, kết quả	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian phê duyệt	Ghi chú
7	Đề án quản lý phát thải khí gây hiệu ứng nhà kính; quản lý các hoạt động kinh doanh tín chỉ các-bon ra thị trường thế giới	Đề án	Bộ TN&MT	Bộ, ngành liên quan	2012	Quyết định số 1775/QĐ-TTg ngày 21/11/2012
8	Chương trình mục tiêu quốc gia sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2012 - 2015	Chương trình	Bộ CT	Bộ, ngành liên quan	2012	Quyết định số 11427/QĐ-TTg ngày 02/10/2012
9	Chương trình hành động quốc gia về “Giảm phát thải khí nhà kính thông qua nỗ lực hạn chế mất rừng và suy thoái rừng, quản lý bền vững tài nguyên rừng, bảo tồn và nâng cao trữ lượng các-bon rừng” giai đoạn 2011 - 2020	Chương trình	Bộ NN&PTNT	Bộ, ngành liên quan	2012	Quyết định số 799/QĐ-TTg ngày 27/6/2012
10	Xây dựng Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 2016 - 2020	Kế hoạch	Bộ TN&MT	Bộ, ngành liên quan	2012	Nghị quyết số 06/NQ-CP ngày 07/3/2012
11	Xây dựng và thực hiện Đề án tập trung ruộng đất quốc gia, đẩy mạnh phát triển sản xuất hàng hóa trong nông nghiệp	Đề án	Bộ NN&PTNT	Bộ, ngành liên quan	2012	Nghị quyết số 06/NQ-CP ngày 07/3/2012
12	Chương trình hành động quốc gia chống sa mạc hóa giai đoạn 2006 - 2010 và định hướng đến năm 2020	Chương trình	Bộ NN&PTNT	Bộ, ngành liên quan	2006	Quyết định số 204/2006/QĐ-TTg ngày 02/9/2006
13	Quy hoạch điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản đến năm 2020, tầm nhìn 2030	Quy hoạch	Bộ TN&MT	Bộ, ngành liên quan	2013	Quyết định số 1388/QĐ-TTg ngày 13/8/2013
14	Kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng 2011 - 2020	Kế hoạch	Bộ NN&PTNT	Bộ, ngành liên quan	2012	Quyết định số 57/QĐ-TTg ngày 9/01/2012
15	Quy hoạch tổng thể phát triển thủy sản đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030	Quy hoạch	Bộ NN&PTNT	Bộ, ngành liên quan	2013	Quyết định số 1445/QĐ-TTg ngày 16/8/2013

STT	Tên kế hoạch, chương trình, đề án, dự án	Sản phẩm, kết quả	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian phê duyệt	Ghi chú
16	Chương trình bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản đến năm 2020	Chương trình	Bộ NN&PTNT	Bộ, ngành liên quan	2012	Quyết định số 188/QĐ-TTg ngày 13/2/2012
17	Quy hoạch xây dựng khu xử lý chất thải rắn 3 vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, miền Trung và phía Nam đến năm 2020	Quy hoạch	Bộ XD	Bộ, ngành liên quan	2008	Quyết định số 1440/QĐ-TTg ngày 06/10/2008
18	Định hướng phát triển thoát nước đô thị và khu công nghiệp Việt Nam đến năm 2025 và tầm nhìn đến 2050	Định hướng	Bộ XD	Bộ, ngành liên quan	2009	Quyết định số 1930/QĐ-TTg ngày 20/11/2009
19	Đề án tổng thể bảo vệ môi trường làng nghề đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030	Đề án	Bộ TN&MT	Bộ, ngành liên quan	2013	Quyết định số 577/QĐ-TTg 11/4/2013
20	Chương trình mục tiêu quốc gia về khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường giai đoạn 2012 - 2015	Chương trình	Bộ TN&MT	Bộ, ngành liên quan	2012	Quyết định số 1206/QĐ-TTg 02/9/2012
21	Kế hoạch hành động quốc gia khắc phục cơ bản hậu quả chất độc hóa học do Mỹ sử dụng trong chiến tranh ở Việt Nam đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020	Kế hoạch	Bộ TN&MT	Bộ, ngành liên quan	2012	Quyết định số 651/QĐ-TTg ngày 01/6/2012
22	Kế hoạch xử lý, phòng ngừa ô nhiễm môi trường do hóa chất bảo vệ thực vật tồn lưu trên phạm vi cả nước	Kế hoạch	Bộ TN&MT	Bộ, ngành liên quan	2010	Quyết định số 1946/QĐ-TTg ngày 21/10/2010
23	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020	Chương trình	Bộ NN&PTNT	Bộ, ngành liên quan	2010	Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010
24	Chương trình mục tiêu quốc gia nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn giai đoạn 2012 - 2015	Chương trình	Bộ NN&PTNT	Bộ, ngành liên quan	2012	Quyết định số 366/QĐ-TTg ngày 31/3/2012

STT	Tên kế hoạch, chương trình, đề án, dự án	Sản phẩm, kết quả	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian phê duyệt	Ghi chú
25	Xây dựng Đề án phục hồi các hệ sinh thái tự nhiên quan trọng bị suy thoái	Đề án	Bộ NN&PTNT	Bộ, ngành liên quan	2013	Quyết định số 1250/QĐ-TTg ngày 31/7/2013
26	Bổ sung nội dung về tài nguyên, biến đổi khí hậu vào Đề án đưa nội dung môi trường vào hệ thống giáo dục quốc dân	Đề án được bổ sung, sửa đổi	Bộ GD&ĐT	Bộ TN&MT, các tỉnh, thành phố trực thuộc TW	2014	(Quyết định số 1363/QĐ-TTg ngày 17/10/2001)
27	Kế hoạch xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng đến năm 2020	Kế hoạch được phê duyệt	Bộ TN&MT	Bộ, ngành, các tỉnh, thành phố trực thuộc TW	2013	Quyết định số 1788/QĐ-TTg ngày 1/10/2013
II	Kế hoạch, chương trình, đề án, dự án mở mới					
1	Đề án tuyên truyền, nâng cao nhận thức về ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường	Đề án	Bộ TN&MT	Bộ TT&TT, Bộ, ngành, địa phương liên quan	2014	
2	Sửa đổi, bổ sung Luật thủy sản và các văn bản hướng dẫn thi hành	Luật và các văn bản hướng dẫn thi hành	Bộ NN&PTNT	Bộ TN&MT, TP, Bộ, cơ quan ngang Bộ liên quan	2016	
3	Dự án luật về tài nguyên và môi trường biển	Luật và các văn bản hướng dẫn thi hành	Bộ TN&MT	Bộ TP, Bộ, cơ quan ngang Bộ liên quan	2015	
4	Dự án luật về khí tượng, thủy văn	Luật và các văn bản hướng dẫn thi hành	Bộ TN&MT	Bộ TP, Bộ, cơ quan ngang Bộ liên quan	2016	
5	Dự án luật về đo đạc và bản đồ	Luật và các văn bản hướng dẫn thi hành	Bộ TN&MT	Bộ TP và Bộ, cơ quan ngang Bộ liên quan	2016	
6	Dự án luật về thủy lợi	Luật và các văn bản hướng dẫn thi hành	Bộ NN&PTNT	Bộ TP và Bộ, cơ quan ngang Bộ liên quan	2016	

STT	Tên kế hoạch, chương trình, đề án, dự án	Sản phẩm, kết quả	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian phê duyệt	Ghi chú
7	Đề án thành lập Trung tâm khu vực về chuyên gia công nghệ, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực về môi trường và biến đổi khí hậu	Đề án	Bộ TN&MT	Bộ KH&CN, GD&ĐT, Bộ, ngành liên quan	2014	
8	Đề án về hợp tác bảo vệ, quản lý khai thác và sử dụng các nguồn nước liên quốc gia	Đề án	Bộ TN&MT	Bộ NG, NN&PTNT	2014	
9	Chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp nhà nước về ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường	Chương trình	Bộ TN&MT	Bộ KH&CN	2014	
10	Đề án tăng cường năng lực giám sát biến đổi khí hậu, dự báo, cảnh báo thiên tai	Đề án	Bộ TN&MT	Bộ NN&PTNT và Bộ, ngành liên quan	2014	
11	Đề án nâng cấp, bảo đảm an toàn hồ chứa nước; nâng cao năng lực kiểm soát lũ và giảm nhẹ thiên tai trên các dòng sông lớn	Đề án	Bộ NN&PTNT	Bộ TN&MT, CT và các Bộ, ngành, địa phương liên quan	2014	
12	Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp và hộ gia đình phát triển, sử dụng năng lượng sạch, năng lượng tái tạo	Chương trình	Bộ CT	Bộ TN&MT, KH&ĐT, TC	2014	
13	Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu, quy hoạch, giám sát tài nguyên nước	Đề án	Bộ TN&MT	Bộ NN&PTNT, địa phương liên quan	2014	
14	Đề án điều tra, đánh giá tổng thể một số khoáng sản chiến lược quan trọng	Đề án	Bộ TN&MT	Bộ CT, địa phương liên quan	2014	
15	Đề án bảo vệ mặt nước, hồ, ao trong các đô thị, khu dân cư	Đề án	Bộ TN&MT	Bộ, ngành có liên quan	2014	
16	Đề án bảo vệ, phục hồi và trồng rừng ngập mặn, rừng phòng hộ ven biển	Đề án	Bộ NN&PTNT	Bộ TN&MT, Bộ, ngành và địa phương liên quan	2014	
17	Đề án phân vùng chức năng làm căn cứ để lập quy hoạch phát triển	Đề án	Bộ TN&MT	Bộ NN&PTNT, Bộ, ngành và địa phương liên quan	2015	